TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 739/2024/DS-PT

Ngày: 17/12/2024

V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tiền lãi..."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm Phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Vũ Viết Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh - Thư ký tòa án dân nhân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2024 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 216/2023/TLST-DS ngày: 21/11/2023 về việc " Yêu cầu Đòi tiền cho vay, lãi*"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày: 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 303/2024/QĐXX-PT ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1958

Trú tại: số B ngõ A phố Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1961

Địa chỉ: số F ngõ G B, phường B, quận L, Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số nhà A ngõ I phố H, tổ A phường B, quận L, Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P trình bày như sau:

Bị đơn là ông Bùi Thanh H có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Ngọc P từ năm 2017. Từ quan hệ này ngày 11/8/2017 tại địa chỉ phòng số E L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (trụ sở công ty của ông P). Ông P là nguyên đơn có cho ông Bùi Thanh H vay số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn). Ông H vay số tiền này để sử dụng với mục đích cá nhân.

Hai bên thỏa thuận thời hạn vay số tiền trên là 05 tháng (năm tháng). Thời gian trả chậm nhất là ngày mùng 08 tháng 01 năm 2018. Trong thời hạn 03 (ba ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của bên nguyên đơn bằng hình thức điện thoại, fax, email hoặc tin nhắn của ông P về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền trên cho ông thì ông Bùi Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng cho ông. Nếu không ông H phải trả bằng tài sản có giá trị tương đương với số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn).

Giữa hai bên đã lập thành hai văn bản giấy vay tiền trên và mỗi người giữ một bản. Giá trị pháp lý của hai văn bản như nhau.

Các bên còn thỏa thuận giấy biên nhận vay tiền này có hiệu lực kể từ ngày 11/08/2017 và hết hiệu lực sau khi đã thực hiện xong trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ.

Sau đó ông H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nghĩa là ông H không trả nợ số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn) cho ông P. Ông P đã rất nhiều lần gọi điện, nhắn tin, fax, email theo thỏa thuận trong giấy vay tiền nhưng ông H cố tình né tránh không hợp tác trả nợ số tiền trên. Qua một thời gian dài đòi nợ và đến tận nơi ông H sinh sống thì ông H mới trả cho ông P được khoản tiền gốc là 1.200.000.000 đồng vào ngày 20/02/2018.

Hiện tại ông H còn nợ số tiền gốc là 3.800.000.000 đồng.

Ông P đã tạo điều kiện cho ông H thời gian trả nợ số tiền còn lại nhưng ông H cứ khất lần và không có thiện chí trả lại số tiền gốc trên.

Nay ông P khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội, yêu cầu ông H thanh toán: Tiền nợ gốc là: 3.800.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản giữa ông và ông H nêu trên.

Về lãi: Ông H có nghĩa vụ phải trả đủ tiền vay và số tiền lãi khi đến hạn tại thời điểm phát sinh tranh chấp. Việc ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã gây ra những thiệt hại làm ảnh hưởng và xâm phạm lợi ích hợp pháp của ông P.

Bị đơn là ông Bùi Thanh H trình bày như sau:

Ông xác nhận có việc vay nợ với ông P theo giấy vay tiền ngày 11/8/2017 như ông P trình bày kèm giấy vay có chữ ký của hai bên số tiền mà ông H đã vay là: 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng V), hai bên có thỏa thuận trả lãi là

4,5%/tháng, sau khi vay số tiền trên ông H đã trả số tiền gốc cho ông P là 01 tỷ đồng, trả vào ngày 09/02/2018, ngày 10/4/2018 trả tiếp 258 triệu là tiền lãi, nhưng thực tế anh P bảo tôi số tiền trả 01 tỷ đồng vào ngày 09/02/2018 này anh P trừ đi 225 triệu đồng, anh P nói đây là tiền lãi còn gốc chỉ là 775 triệu đồng. Ngoài ra tôi còn trả 500 triệu đồng tiền mặt cho anh P, tôi không nhớ thời gian mà chỉ nhớ vào khoảng tháng 10 hay tháng 11 năm 2020 lúc đó có cả người tên là "Tuấn Đinh Liệt", nơi trả là ở quán bia phố H. Tôi phải vay của Tuấn Đinh L hai lần mỗi lần 500 triệu đồng, việc vay này không có vay tiền thật, và chỉ viết giấy khống tôi ký tên, tôi không được giữ tờ giấy này, tôi trả lãi, anh Tuấn Đinh L bảo số tiền này được trừ vào gốc, do đó tôi chỉ còn nợ anh P và phải trả là 2 tỷ 250 triệu đồng, các số tiền này trả lãi cho ông P dưới hình thức chuyển khoản qua tài khoản của ông P, năm 2022 ông P ép trả nhiều lần và thuê người có tên là "Tuấn Đinh L" đến nhà đòi nợ, người này ép ông phải vay số tiền 1 tỷ đồng để trả, ông H đã phải viết giấy vay đồng thời anh ta cắt luôn lãi là 250 triệu đồng, thực tế ông H không được nhận tiền mặt mà phải trả tiếp 250 triệu đồng này trực tiếp cho người có tên "Tuấn Đinh L", ông H không cầm giấy vay này và cũng không biết tên tuổi địa chỉ anh ta, do ông P thuê người có tên như vậy đến đòi nợ, hiện ông không có giấy trả nợ cũng như giấy vay này, ông không biết anh này ở đâu. Ông H thừa nhận có nợ và hiện nợ tiền gốc là 2 tỷ 250 triệu đồng, hiện ông bị ốm đau, qua nhiều lần mổ nên không trả ngay được, ông sẽ trả mỗi tháng từ 01 đến 02 triệu đồng cho ông P. Ông cũng tự khai là không còn tài liệu nào khác có liên quan đến việc vay nợ giữa ông và ông P, không biết địa chỉ tên tuổi hay giấy tờ người nào là "Tuấn Đinh L" hay người có tên là "D".

Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày: 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận L đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc P yêu cầu buộc phía bị đơn là ông Bùi Thanh H phải trả các khoản tiền sau theo giấy vay nợ ngày 11/8/2017 bao gồm:

+ Gốc: 3.232.000.000đ (Ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu đồng)

+ Tổng lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 2.315.835.259đ (Hai tỷ ba trăm mười lăm triệu, tám trăm ba lăm nghìn, hai trăm năm chín đồng).

Đối với khoản tiền bị đơn Bùi Thanh H phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc P là: Gốc và lãi: 5.547.835.259 (Năm tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba lăm nghìn hai trăm năm chín đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án là ông Nguyễn Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, quyền yêu cầu bị đơn là ông Bùi Thanh H phải trả cho ông P là người được thi hành án, bị đơn H phải trả, cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền này, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Bùi Thanh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tiếp theo ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này theo mức lãi suất được áp dụng theo điều khoản về lãi trả chậm theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị đơn ông Bùi Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm là 127.478.352 đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Thanh H kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, đề nghị được miễn án phí do bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có kháng cáo nhưng xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn,

[2.1]. Các bên đương sự thừa nhận ngày 11/8/2017 tại phòng số E L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, ông Bùi Thanh H có vay số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn) của ông Nguyễn Ngọc P. Hai bên lập "Giấy vay tiền" số 01/GVT ngày 11/8/2017 có nội dung ghi nhận sự việc ông H vay số tiền này để sử dụng với mục đích cá nhân, thời hạn vay số tiền trên là 05 tháng . Thời gian trả chậm nhất là ngày mùng 08 tháng 01 năm 2018. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên nguyên đơn bằng hình thức điện thoại, fax, email hoặc tin nhắn của ông P về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền trên cho ông thì ông Bùi Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng cho ông. Nếu không ông H phải trả bằng tài sản có giá trị tương đương với số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn). Nếu quá thời hạn phải trả mà ông H không trả cho ông P thì ông P có quyền nhờ bên thứ ba can thiệp để đòi nợ mà ông H không được có ý kiến gì. Hai bên không thỏa thuận trả lãi.

Nhận thấy việc ông P cho ông H vay 05 tỷ đồng được lập thành văn bản là "Giấy vay tiền" số 01/GVT ngày 11/8/2017, hai bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự và tự nguyện thực hiện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của các Điều 463, Điều 465 và Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự. Một bên đã giao tiền nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, do đó ông H có trách nhiệm trả tiền cho ông P theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H thừa nhận có vay số tiền 05 tỷ đồng của ông P. Nhưng ông H kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ ông P 2.250.000.000đ và đã trả 1.250.000.000đ tiền lãi.

Xét, ông H xuất trình hai tờ "Giấy nộp tiền" từ Ngân hàng V ngày 09/02/2018 trả số tiền 01(Một) tỷ đồng và ngày 10/4/2018 trả tiếp số tiền: 258 triệu đồng cho ông Nguyễn Ngọc P.

Ông H cho rằng đã chuyển tiền cho ông P theo các lần:

- Tháng 01/2018 trả 900.000.000đ lãi, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Đối chiếu bản sao kê của ngân hàng V đối với số TK 8886688888888 của ông Nguyễn Ngọc P không thể hiện có nội dung giao dịch này. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H về việc đã trả ông P số tiền lãi 900.000.000đ.

- Ngày 09/02/2018 trả 1.000.000.000đ gốc. Đối chiếu bản sao kê của ngân hàng V đối với số TK 8886688888888 của ông Nguyễn Ngọc P có nội dung giao dịch này.

- Ngày 10/4/2018 trả 258.000.000đ gốc. Đối chiếu bản sao kê của ngân hàng V đối với số TK 8886688888888 của ông Nguyễn Ngọc P có nội dung giao dịch này.

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P xác nhận tháng 7/2020 bị đơn ông H đã trả 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) là đúng. Ông H thừa nhận tại lời khai ngày 28/02/2024.

- Tại bản sao kê của ngân hàng V cho thấy ngày 11/8/2018 ông H đã trả cho ông P 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 10/12/2018 ông H trả tiếp 5.000.000đ(năm triệu đồng).

Như vậy căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai thống nhất của các đương sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định nợ gốc còn lại của ông H đối với ông P là: 3.232.000.000đ (Ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu đồng) là có căn cứ.

Kháng cáo nêu trên của bị đơn ông H không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu về trả lãi, ông H cho rằng hai bên có thỏa thuận bằng miệng về trả lãi với mức là 4,5%/tháng và ông H đã trả 1.250.000.000đ tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn ông P cho rằng ông H nói trả lãi 2%/tháng nhưng không trả.

Như đã nhận định nêu trên "Giấy vay tiền" số 01/GVT ngày 11/8/2017 không có nội dung về lãi suất, nguyên đơn ông P yêu cầu khởi kiện căn cứ tính lãi theo Bộ luật dân sự.

Bản án sơ thẩm đã xác định mức lãi suất là 10%/năm và xác định số tiền lãi tính từ 08/01/2018 đến 12/7/2024 mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.315.835.259đ là phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Kháng cáo nêu trên của bị đơn ông H không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3]. Quan điểm của đại diện VKSND Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: Đối với Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1958 và bị đơn ông Bùi Thanh H sinh năm 1961 là Người cao tuổi, có đơn xin miễm nộp án phí, theo quy định tại Điều 2 Luật Người Cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn án phí. Sửa án sơ thẩm đối với bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo ông Bùi Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thanh H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày: 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận L và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P đòi nợ gốc, nợ lãi đối với ông Bùi Thanh H theo giấy vay nợ ngày 11/8/2017.

[2]. Buộc ông Bùi Thanh H phải trả cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền 5.547.835.259 (Năm tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba lăm nghìn hai trăm năm chín đồng), bao gồm:

+ Gốc: 3.232.000.000đ (Ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu đồng)

+ Tổng lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 2.315.835.259đ (Hai tỷ ba trăm mười lăm triệu, tám trăm ba lăm nghìn, hai trăm năm chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất 10%/ năm (khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P, bị đơn ông Bùi Thanh H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn là ông Bùi Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội ;
- TAND quận L
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Toàn Giang